

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỸ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỸ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỲ

Địa chỉ: 63 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 24

789
G T
HH
& T
TN
HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Tân Kỳ (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa Ốc Tân Kỳ được chuyển đổi từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Xây dựng - Dịch Vụ Tân Kỳ theo Giấy đăng ký kinh doanh số 071766, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 05 năm 1999. Công ty được chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006214 đăng ký lại lần thứ nhất ngày 15 tháng 03 năm 2007 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 0301725747 vào ngày 15 tháng 10 năm 2015.

Trụ sở được đặt tại số 63 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 113.822.320.000 đồng.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Văn Sỹ	Chủ tịch
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên
Ông Trần Văn Nho	Thành viên
Ông Trần Văn Tịnh	Thành viên
Ông Huỳnh Tiên Hoàn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nho	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyễn Huỳnh Khôi	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỲ

Địa chỉ: 63 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



TRẦN VĂN TUẤN

Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Số: 17.178/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỸ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc Tân Kỳ, được lập ngày 11 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc Tân Kỳ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc Tân Kỳ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		576.141.878.015	424.150.617.045
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		48.964.887.373	15.364.249.147
1. Tiền	111	5.1	48.964.887.373	15.364.249.147
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.707.950.975	1.320.178.209
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.749.975	1.749.975
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.571.766)	(1.571.766)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	3.707.772.766	1.320.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		388.182.409.842	313.510.406.182
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	176.399.940.702	126.735.294.911
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.105.631.020	5.474.428.575
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.927.158.292	7.927.158.292
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	181.749.679.828	173.373.524.404
IV. Hàng tồn kho	140		131.595.565.500	93.194.256.461
1. Hàng tồn kho	141	5.5	131.595.565.500	93.194.256.461
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.691.064.325	761.527.046
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	378.111.453	47.520.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.312.952.872	714.007.046
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99.346.401.134	96.848.536.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.328.500.000	11.328.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	6.328.500.000	11.328.500.000
II. Tài sản cố định	220		30.626.701.926	22.527.861.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	30.626.701.926	22.412.861.361
Nguyên giá	222		51.764.294.769	42.408.093.198
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.137.592.843)	(19.995.231.837)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	115.000.000
Nguyên giá	228		-	115.000.000
III. Bất động sản đầu tư	230		30.148.845.140	30.788.249.258
1. Nguyên giá	231	5.8	32.020.681.754	32.020.681.754
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.871.836.614)	(1.232.432.496)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		24.489.039.546	24.489.039.546
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	24.489.039.546	24.489.039.546
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.441.940.000	7.097.710.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	6.441.940.000	7.097.710.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.311.374.522	617.175.985
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.311.374.522	617.175.985
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		675.488.279.149	520.999.153.195

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỲ

Địa chỉ: 63 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2016

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		539.804.060.030	389.341.069.681
I. Nợ ngắn hạn	310		517.900.761.342	369.658.270.993
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	150.929.881.441	93.077.124.202
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		233.575.626.189	179.785.741.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	756.229.448	1.216.141.669
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	9.072.667.582	7.077.850.999
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	30.913.164.588	26.410.350.480
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	89.499.592.102	59.276.409.046
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.153.599.992	2.814.652.886
II. Nợ dài hạn	330		21.903.298.688	19.682.798.688
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	198.282.858	198.282.858
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	21.705.015.830	19.484.515.830
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		135.684.219.119	131.658.083.514
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	135.684.219.119	131.658.083.514
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		113.822.320.000	113.822.320.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		113.822.320.000	113.822.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.493.765.000	10.493.765.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(9.132.474.250)	(9.132.474.250)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.855.411.992	3.443.464.886
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.855.411.992	3.443.464.886
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.789.784.385	9.587.542.992
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		8.315.701.674	9.587.542.992
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.474.082.711	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		675.488.279.149	520.999.153.195



Trần Văn Tuấn
Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Huỳnh Tiên Hoàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Huân
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỲĐịa chỉ: 63 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2016

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	276.596.311.360	200.416.541.603
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		276.596.311.360	200.416.541.603
3. Giá vốn hàng bán	11	5.17	257.079.937.596	182.959.742.187
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.516.373.764	17.456.799.416
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	71.771.960	43.943.192
6. Chi phí tài chính	22	5.19	3.966.979.763	6.535.399.487
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.966.979.763	6.535.399.487
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	9.247.181.506	6.913.231.966
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.373.984.455	4.052.111.155
9. Thu nhập khác	31	5.21	534.623.269	473.525.864
10. Chi phí khác	32	5.22	1.316.004.336	72.043.047
11. Lợi nhuận khác	40		(781.381.067)	401.482.817
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.592.603.388	4.453.593.972
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	1.118.520.677	834.697.626
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.474.082.711	3.618.896.346
15. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	5.15.3	396	352



Trần Văn Tuấn
Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Huỳnh Tiên Hoàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Huân
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.592.603.388	4.453.593.972
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.994.204.441	1.911.931.250
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		713.084.450	(43.943.192)
Chi phí lãi vay	06		3.966.979.763	6.535.399.487
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.266.872.042	12.856.981.517
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(72.270.949.486)	(45.508.978.214)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(38.401.309.039)	(17.202.987.186)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		130.458.223.741	64.152.673.607
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.024.789.990)	(354.944.046)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.966.979.763)	(6.535.399.487)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.621.259.931)	(975.500.860)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(73.000.000)	(41.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.366.807.574	6.390.845.331
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.890.614.071)	(12.507.368.863)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.188.327.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(2.387.772.766)	(5.860.965.500)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		655.770.000	1.709.150.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		71.771.960	43.943.192
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.362.517.604)	(16.615.241.171)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỲĐịa chỉ: 63 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2016

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.25	122.210.666.944	24.322.761.916
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	5.26	(89.766.983.888)	(12.002.138.558)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.847.334.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27.596.348.256	12.320.623.358
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		33.600.638.226	2.096.227.518
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.364.249.147	14.874.330.341
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		48.964.887.373	16.970.557.859



Trần Văn Tuấn
Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Huỳnh Tiên Hoàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Huân
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc Tân Kỹ (dưới đây gọi tắt là Công ty) được chuyển đổi từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Xây Dựng - Dịch Vụ Tân Kỹ theo Giấy đăng ký kinh doanh số 071766, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 05 năm 1999. Công ty được chuyển thành công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006214 đăng ký lại lần thứ nhất ngày 15 tháng 03 năm 2007 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần gần đây nhất số 0301725747 vào ngày 15 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 113.822.320.000 đồng.

Trụ sở được đặt tại số 63 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp, xây dựng dân dụng và trang trí nội thất. Xây dựng cầu đường. Mua bán vật liệu xây dựng. San lấp mặt bằng. Gia công cơ khí xây dựng. Xây dựng công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp – khu dân cư – khu đô thị, công trình cấp thoát nước – xử lý môi trường. Lắp đặt đường dây, trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh.
- Trang trí ngoại thất. Lập dự án đầu tư. Đo đạc bản đồ. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán). Tư vấn đấu thầu. Lập dự toán – tổng dự toán công trình. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ tư vấn về bất động sản.
- Sản xuất, mua bán thiết bị - máy móc ngành xây dựng – công nghiệp, khu nhà tiền chế, thiết bị - dụng cụ trường học, thiết bị y tế, thiết bị văn phòng, dụng cụ thể dục thể thao (không sản xuất tại trụ sở và không kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ). Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Kinh doanh lẻ hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà nghỉ du lịch; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ tại trụ sở). Kinh doanh phát triển khu du lịch (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô.
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, thiết bị - máy móc ngành xây dựng – công nghiệp.
- Trồng rừng và khai thác rừng trồng. Trồng cây công – nông lâm nghiệp. Sản xuất cây giống. Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không hoạt động tại trụ sở).
- Mua bán gỗ tròn, gỗ xẻ, máy móc – thiết bị - phụ tùng ngành công – nông – lâm – ngư nghiệp, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Chế biến gỗ (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất hàng mộc gia dụng (không chế biến gỗ tại trụ sở).
- Sản xuất nông – lâm – thủy – hải sản (không chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở). Đo đạc và bản đồ.
- Môi giới bất động sản. Định giá bất động sản. Bổ sung: Sàn giao dịch bất động sản.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	12.622.634	50.759.270
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.952.264.739	15.313.489.877
Cộng	48.964.887.373	15.364.249.147

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội với lãi suất bình quân 5,2%/ năm và Ngân hàng BIDV với lãi suất bình quân 5%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Hồng Hà	5.901.940.000	-	6.557.710.000	-
Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Tân Kỳ	180.000.000	-	180.000.000	-
Công ty CP Cơ Điện Tân Kỳ	360.000.000	-	360.000.000	-
Cộng	6.441.940.000	-	7.097.710.000	-

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên không quan sát được trên thị trường để thuyết minh.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ban quản lý dự án Xây dựng thành phố Đà Nẵng	62.747.243.300	62.747.243.300
Công ty CP Đầu Tư Địa Ốc Đại Quang Minh	19.608.633.029	-
Các khách hàng khác	94.044.064.373	63.988.051.611
Cộng	176.399.940.702	126.735.294.911

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu dự án chung cư Splendor – Gò Vấp	8.116.627.785	-	8.116.627.785	-
Phải thu tạm ứng cho các đội thi công	28.685.396.064	-	21.609.279.560	-
Cầm cố ký quỹ ngắn hạn	3.236.431.314	-	2.035.239.394	-
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty CP Đầu tư No Va (*)	140.000.000.000	-	140.000.000.000	-
Phải thu khác	1.711.224.665	-	1.612.377.665	-
Cộng	181.749.679.828	-	173.373.524.404	-
Dài hạn:				
Phải thu góp vốn đầu tư Dự án Chung cư Splendor Quận 12	6.328.500.000	-	11.328.500.000	-

(*) Công ty ký thỏa thuận hợp tác với Công ty CP Đầu tư NoVa đề ngày 18/08/2015. Theo thỏa thuận này, lợi nhuận hợp tác được tính theo lãi suất là 0% trên số tiền hợp tác.

5.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.285.309.044	-	11.820.618.658	-
Công cụ, dụng cụ	131.157.538	-	86.317.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	120.179.098.918	-	81.287.320.803	-
Cộng	131.595.565.500	-	93.194.256.461	-

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí mua các căn hộ chung cư Viên Ngọc Phương Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỲ

Địa chỉ: 63 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	3.070.623.000	37.192.604.626	2.144.865.572	-	42.408.093.198
Mua trong kỳ	-	12.390.824.571	-	36.000.000	12.426.824.571
Thanh lý	(3.070.623.000)	-	-	-	(3.070.623.000)
Tại ngày 30/06/2016	-	49.583.429.197	2.144.865.572	36.000.000	51.764.294.769
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	634.839.526	17.310.223.708	2.050.168.603	-	19.995.231.837
Khấu hao trong kỳ	16.341.486	1.736.921.744	37.878.788	2.400.000	1.793.542.018
Thanh lý	(651.181.012)	-	-	-	(651.181.012)
Tại ngày 30/06/2016	-	19.047.145.452	2.088.047.391	2.400.000	21.137.592.843
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	2.435.783.474	19.882.380.918	94.696.969	-	22.412.861.361
Tại ngày 30/06/2016	-	30.536.283.745	56.818.181	33.600.000	30.626.701.926

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.617.062.587 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	100.951.888	-	-	100.951.888
Nhà	3.427.704.527	-	-	3.427.704.527
Nhà và quyền sử dụng đất	28.492.025.339	-	-	28.492.025.339
Cộng	32.020.681.754	-	-	32.020.681.754
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Quyền sử dụng đất	1.346.024	1.009.518	-	2.355.542
Nhà	91.405.456	68.554.092	-	159.959.548
Nhà và quyền sử dụng đất	1.139.681.016	569.840.508	-	1.709.521.524
Cộng	1.232.432.496	639.404.118	-	1.871.836.614
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	99.605.864			98.596.346
Nhà	3.336.299.071			3.267.744.979
Nhà và quyền sử dụng đất	27.352.344.323			26.782.503.815
Cộng	30.788.249.258			30.148.845.140

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 5.470.313.168 VND – Xem thêm mục 5.10.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13	309.163.333	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.948.120	47.520.000
Cộng	378.111.453	47.520.000
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng và dịch vụ khác	1.311.374.522	617.175.985

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC TÂN KỲĐịa chỉ: 63 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.10. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	89.499.592.102	89.499.592.102	117.886.666.944	87.663.483.888	59.276.409.046	59.276.409.046
Vay dài hạn	21.705.015.830	21.705.015.830	4.324.000.000	2.103.500.000	19.484.515.830	19.484.515.830
Cộng	111.204.607.932	111.204.607.932	122.210.666.944	89.766.983.888	78.760.924.876	78.760.924.876

Vay ngắn hạn ngân hàng là khoản vay ngân hàng TMCP Quân Đội để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động thi công các công trình, nhận thầu xây dựng năm 2016 được đảm bảo bằng quyền đòi nợ từ các hợp đồng thi công xây dựng công trình do Ngân hàng tài trợ, lãi suất từ 7,8%/năm đến 9,7%/năm.

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng và cá nhân có thời hạn từ 3 đến 10 năm với lãi suất từ 10% đến 13,5%/năm. Khoản vay ngân hàng được thế chấp bằng tài sản là các căn hộ thuộc Chung cư Splendor – Xem thêm mục 5.8.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM và SX Thép Việt	27.355.188.630	27.355.188.630	19.121.303.190	19.121.303.190
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thương mại Đông Tây	20.615.965.658	20.615.965.658	6.843.223.591	6.843.223.591
Công ty TNHH Xây Dựng Lê Phan	18.519.555.500	18.519.555.500	9.624.555.500	9.624.555.500
Phải trả cho các đối tượng khác	84.439.171.653	84.439.171.653	57.488.041.921	57.488.041.921
Cộng	150.929.881.441	150.929.881.441	93.077.124.202	93.077.124.202

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2016 VND
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.157.043.614	1.118.520.677	1.621.259.931
Thuế thu nhập cá nhân	59.098.055	859.569.195	816.742.162	101.925.088
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.216.141.669	1.981.089.872	2.441.002.093	756.229.448

5.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản trích trước giá vốn thi công công trình.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.14. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	161.728.380	137.091.823
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000	150.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	37.729.100	4.885.063.900
Phải trả tiền do các đội thi công ứng trước	4.926.654.007	7.961.708.311
Thuế GTGT vãng lai phải nộp	1.399.321.960	1.372.430.931
Mượn cá nhân	23.444.279.700	9.470.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	793.451.441	2.434.055.515
Cộng	30.913.164.588	26.410.350.480
Dài hạn:		
Phải trả tiền góp vốn dự án Đà Nẵng	198.282.858	198.282.858

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	104.067.160.000	20.248.925.000	(9.132.474.250)	6.564.073.210	6.747.243.709	128.494.927.669
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	3.618.896.346	3.618.896.346
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	322.856.562	(322.856.562)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(161.428.281)	(161.428.281)
Giảm khác	-	-	-	-	(36.000.000)	36.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2015	104.067.160.000	20.248.925.000	(9.132.474.250)	6.886.929.772	9.845.855.212	131.916.395.734
Tăng vốn trong 6 tháng cuối năm trước	9.755.160.000	(9.755.160.000)	-	-	-	-
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	4.620.045.780	4.620.045.780
Chia cô tức	-	-	-	-	(4.878.358.000)	(4.878.358.000)
Số dư tại ngày 01/01/2016	113.822.320.000	10.493.765.000	(9.132.474.250)	6.886.929.772	9.587.542.992	131.658.083.514
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	4.474.082.711	4.474.082.711
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	823.894.212	(823.894.212)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(411.947.106)	(411.947.106)
Giảm khác	-	-	-	-	(36.000.000)	(36.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2016	113.822.320.000	10.493.765.000	(9.132.474.250)	7.710.823.984	12.789.784.385	135.684.219.119

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.15.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.382.232	11.382.232
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.382.232	11.382.232
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(650.000)	(650.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.732.232	10.732.232

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.15.3. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.250.378.575	3.437.951.529
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	10.732.232	9.756.716
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	396	352

5.15.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2016	3.443.464.886	3.443.464.886
Trích trong kỳ	411.947.106	411.947.106
Tại ngày 30/06/2016	3.855.411.992	3.855.411.992

5.16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.201.376.493	3.011.958.701
Doanh thu hợp đồng xây dựng	271.549.025.777	197.404.582.902
Doanh thu bán hàng hóa	845.909.090	-
Cộng	276.596.311.360	200.416.541.603

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.17. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	845.909.090	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.052.745.169	2.509.060.973
Giá vốn hợp đồng xây dựng	253.181.283.337	180.450.681.214
Cộng	257.079.937.596	182.959.742.187

5.18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	71.771.960	43.943.192

5.19. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh từ hợp đồng sản xuất kinh doanh thông thường của công ty.

5.20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.009.969.403	4.510.360.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	187.719.085	734.617.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.918.820.663	1.390.153.489
Chi phí bằng tiền khác	130.672.355	278.100.141
Cộng	9.247.181.506	6.913.231.966

5.21. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cho thuê văn phòng	91.636.362	91.636.362
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	415.600.000	277.224.370
Thu nhập khác	27.386.907	104.665.132
Cộng	534.623.269	473.525.864

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.22. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cho thuê văn phòng	54.960.000	53.642.400
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	466.056.410	-
Phí môi giới	222.000.000	-
Các khoản khác	572.987.926	18.400.647
Cộng	1.316.004.336	72.043.047

5.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.750.731.005	103.821.089.523
Chi phí nhân công	20.538.590.923	10.662.392.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.994.204.441	1.911.931.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.725.687.926	90.363.907.013
Chi phí khác bằng tiền	1.209.682.922	490.411.559
Cộng	305.218.897.217	207.249.732.007

5.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	5.592.603.388	4.453.593.972
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.592.603.388	4.453.593.972
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20 %	22 %
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.118.520.677	979.790.674
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	(145.093.048)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.118.520.677	834.697.626

5.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	122.210.666.944

5.26. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(89.766.983.888)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.27. Báo cáo bộ phận

Công ty không có báo cáo bộ phận vì hoạt động của Công ty chủ yếu là xây dựng công trình, nên báo cáo kết quả kinh doanh đã trình bày rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận. Công ty cũng không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

5.28. Thông tin về các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

Ông Trần Văn Tuấn
Ông Trần Văn Nho
Ông Phạm Nguyễn Huỳnh Khôi
Ông Trần Văn Sỹ
Ông Trần Văn Tuấn
Ông Trần Văn Nho
Ông Trần Văn Tịnh
Ông Huỳnh Tiên Hoàn

Mối quan hệ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	120.000.000	120.000.000
Thu nhập Ban Tổng giám đốc	798.445.500	721.583.000
Cộng	918.445.500	841.583.000

5.29. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 11 tháng 08 năm 2016.



[Handwritten signature]

Trần Văn Tuấn
Tổng giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

[Handwritten signature]

Huỳnh Tiên Hoàn
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Nguyễn Văn Huân
Người lập